

CHÍNH SÁCH THúc ĐẨY HỌC TẬP SUỐT ĐỜI Ở HÀN QUỐC, NHẬT BẢN VÀ VIỆT NAM: PHÂN TÍCH SO SÁNH VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

Nguyễn Thị Hải¹⁺,
Phạm Văn Thành²

¹Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam; ²Học viện Phòng không - Không quân
+Tác giả liên hệ • Email: haint@vnies.edu.vn

Article history

Received: 06/11/2025

Accepted: 02/12/2025

Published: 20/3/2026

Keywords

Policy, lifelong learning,
South Korea, Japan, Vietnam

ABSTRACT

Lifelong learning is a sustainable human-development strategy in the context of rapid globalization and technological advancement. It is a continuous, lifelong process that enhances individual capacity and supports adaptation to the demands of modern society. Accordingly, this paper analyzes and compares policies promoting lifelong learning in South Korea, Japan, and Vietnam, thereby drawing key implications for Vietnam. The findings indicate that: South Korea stands out with its Lifelong Education Act, the National Training Card system, and various digital-skills training policies; Japan fosters a learning society through the Lifelong Learning Act and human resource development strategies, with particular attention to older workers; and Vietnam has issued numerous directives, resolutions, and initiatives to develop a learning society, notably through workplace-based learning units aligned with digital transformation and the development of learning citizens. The comparative analysis across the three countries also suggests avenues for further research on lifelong learning within the ASEAN context, where nations are facing similar demands for human-resource development and regional integration.

1. Mở đầu

Học tập suốt đời (HTSD) đã trở thành một yêu cầu tất yếu đối với mọi quốc gia. HTSD không chỉ là một xu hướng giáo dục mà còn là chiến lược phát triển con người toàn diện nhằm nâng cao năng lực thích ứng, giúp con người không ngừng cập nhật tri thức, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp và mở rộng cơ hội tham gia tích cực vào đời sống xã hội và kinh tế. Đặc biệt, trong thời đại chuyên đổi số, trí tuệ nhân tạo và tự động hóa, HTSD càng trở nên thiết yếu đối với người lao động. Hàn Quốc, Nhật Bản và Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách cụ thể nhằm xây dựng xã hội học tập, mở rộng cơ hội học tập cho mọi người với mọi lứa tuổi, ở mọi nơi, mọi lúc. Những chính sách này không chỉ hỗ trợ cá nhân nâng cao trình độ, năng lực mà còn góp phần quan trọng vào sự phát triển KT-XH bền vững của đất nước. Việc nghiên cứu kinh nghiệm từ các quốc gia như Hàn Quốc, Nhật Bản sẽ là cơ sở quan trọng để Việt Nam tiếp tục hoàn thiện chính sách và phát triển hệ thống HTSD hiệu quả, phù hợp với thực tiễn.

Để thực hiện mục tiêu này, nghiên cứu sử dụng tổng hợp các phương pháp gồm: nghiên cứu lý luận thông qua việc thu thập, hồi cứu và phân tích các tài liệu trong và ngoài nước nhằm làm rõ các khái niệm và chính sách liên quan đến HTSD; phương pháp tổng kết kinh nghiệm thực tiễn để phân tích, đánh giá và rút ra kinh nghiệm cho Việt Nam từ 2 quốc gia Hàn Quốc và Nhật Bản; phương pháp chuyên gia thông qua tham vấn và tiếp nhận ý kiến của các nhà giáo dục và những người có kinh nghiệm nghiên cứu về HTSD.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số quan niệm về học tập suốt đời

HTSD trở thành một xu thế mang tính chiến lược đối với các quốc gia và hệ thống giáo dục hướng đến phát triển con người một cách bền vững. Việc thúc đẩy HTSD không chỉ mang lại những lợi ích cho cá nhân như giúp các hộ gia đình thoát nghèo, nâng cao thu nhập và cải thiện phúc lợi lâu dài, đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế của đất nước. Có nhiều quan điểm khác nhau về HTSD. Theo UNESCO, HTSD là quá trình liên tục xây dựng kỹ năng và tri thức trong suốt cuộc đời của mỗi cá nhân (UIL, 2017). OECD (1996) quan niệm HTSD là tất cả các hoạt động học tập diễn ra trong suốt cuộc đời, nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng và năng lực. European Commission (2001) cho rằng HTSD bao gồm mọi hoạt động học tập được thực hiện trong suốt cuộc đời nhằm phát triển năng lực và trình độ chuyên môn. Ở Việt Nam, HTSD được quan niệm là một quá trình được tổ chức từ gia

đình cho một con người khi họ bắt đầu lọt lòng mẹ và được thực hiện liên tục qua các hình thức học tại nhà, tại trường và ngoài xã hội, kéo dài đến khi con người không còn đủ sức học tập nữa. Việc HTSD chính là yêu cầu của thời đại đặt ra cho mỗi con người, giúp cho họ có ý thức đầy đủ về bản thân mình và môi trường xung quanh, có vai trò xã hội xác định trong việc làm, trong nghề nghiệp và cộng đồng, có đủ kiến thức để biết sống, biết làm việc và biết cộng tác và hòa hợp với người khác, có kỹ năng sống để góp phần xây dựng đất nước mình và thế giới loài người (Phạm Tất Dong, 2012). HTSD được đề cập trong Luật Giáo dục năm 2019. Luật Giáo dục nêu rõ HTSD là quá trình học tập diễn ra liên tục, mọi lúc, mọi nơi đáp ứng nhu cầu học tập để phát triển toàn diện bản thân (Quốc hội, 2019).

Như vậy, HTSD là một quá trình học tập kéo dài suốt đời con người từ khi sinh ra đến khi mất đi nhằm phát triển năng lực cá nhân và đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện đại. Tuy nhiên, mỗi tổ chức tiếp cận HTSD từ góc độ khác nhau: UNESCO nhấn mạnh tính liên tục của quá trình học tập, OECD đề cao mục tiêu nâng cao năng lực. Quan niệm HTSD của Việt Nam mở rộng phạm vi cả về hình thức lẫn không gian học tập (từ gia đình, nhà trường đến xã hội), đồng thời nhấn mạnh vai trò của HTSD trong việc hình thành nhân cách và đóng góp xã hội. Sự đa dạng trong các quan điểm này cho thấy HTSD không chỉ là nhu cầu cá nhân mà còn là yêu cầu chiến lược ở cấp quốc gia và toàn cầu. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chủ yếu tập trung quan niệm HTSD gắn với các chính sách thúc đẩy việc học tập tại nơi làm việc.

2.2. Chính sách thúc đẩy học tập suốt đời tại Hàn Quốc và Nhật Bản

2.2.1. Hàn Quốc

Luật Giáo dục suốt đời của Hàn Quốc được ban hành năm 2009 nhằm thúc đẩy một hệ thống giáo dục suốt đời toàn diện, đảm bảo quyền được học tập cho mọi công dân ở mọi lứa tuổi. Luật này quy định trách nhiệm của nhà nước và các địa phương trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục bổ sung, đào tạo nghề và giáo dục công dân, đồng thời thành lập Viện Giáo dục suốt đời Quốc gia (NILE) để triển khai các chương trình hỗ trợ HTSD. Chính sách này giúp phát triển văn hóa HTSD và nâng cao năng lực cá nhân của người dân (Lifelong Education Act, 2009).

Luật Phát triển Kỹ năng tại nơi làm việc (Act on the Development of Workplace Skills of Workers) được ban hành năm 1967, sau đó đã có nhiều lần sửa đổi. Luật này được thông qua nhằm thiết lập hành lang pháp lý cho việc phát triển kỹ năng ngay tại nơi làm việc. Luật nêu rõ Bộ trưởng Bộ Lao động Hàn Quốc có trách nhiệm thiết lập và ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật và tổ chức đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng, hiệu quả dạy nghề trong doanh nghiệp. Luật này còn quy định rõ hợp đồng đào tạo giữa doanh nghiệp và người lao động để minh bạch quyền và nghĩa vụ, bao gồm thời gian đào tạo, lương, và điều kiện làm việc sau đào tạo. Nhờ đó, các chương trình đào tạo nội bộ có thể được triển khai bài bản, phù hợp với nhu cầu thị trường lao động, thúc đẩy học tập gắn liền với thực tiễn sản xuất. (Ministry of Employment and Labor, 1967).

Chính sách thị trường lao động chủ động (Active Labor Market Policies - ALMPs) được ban hành lần đầu tiên vào năm 1998-1999, dưới sự chỉ đạo của Ủy ban Tam phương (Tripartite Commission) gồm đại diện của Chính phủ, giới chủ và người lao động. Chính sách ra đời trong bối cảnh hậu khủng hoảng tài chính châu Á 1997. Chính sách này nhằm ổn định thị trường lao động và giảm thiểu tác động tiêu cực của khủng hoảng. Chính sách quy định các chương trình tạo việc làm tạm thời, hỗ trợ tái đào tạo (reskilling) và nâng cao kỹ năng (upskilling) cho người thất nghiệp hoặc người có nhu cầu chuyển đổi nghề nghiệp. Bên cạnh đó, chính sách còn cung cấp, hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp nhằm tổ chức đào tạo kỹ năng nội bộ, giúp người lao động tiếp cận các khóa học chuyên ngành, dịch vụ tư vấn nghề nghiệp, và nhận chứng chỉ nghề nghiệp. Chính sách này đã góp phần đáng kể trong việc giảm tỉ lệ thất nghiệp và nâng cao hiệu quả năng suất lao động tại Hàn Quốc (Hur, 2013). Kế hoạch quốc gia giai đoạn 2018-2022 của Hàn Quốc tiếp nối Luật Giáo dục suốt đời, tập trung xây dựng một hệ thống giáo dục linh hoạt, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu của xã hội hiện đại như Cách mạng công nghiệp 4.0 và dân số già hóa. Kế hoạch nhấn mạnh mở rộng cơ hội học tập cho mọi công dân, đặc biệt nhóm người lao động và các nhóm yếu thế, thông qua phát triển các trung tâm học tập cộng đồng và nền tảng học trực tuyến, góp phần xây dựng xã hội học tập hiện đại (UIL, 2017).

Chính sách Hệ thống Thẻ Đào tạo Quốc gia (National Training Card System) được Bộ Lao động và Việc làm (MOEL) phối hợp với Cơ quan Phát triển Nguồn nhân lực Hàn Quốc (HRD Korea) ban hành vào năm 2020. Chính sách này tích hợp các chương trình thẻ đào tạo trước đó dành cho người thất nghiệp và người lao động hiện đang làm việc, nhằm mở rộng quyền tiếp cận giáo dục nghề nghiệp cho nhiều đối tượng hơn. Người lao động sẽ được cấp một khoản hỗ trợ dưới dạng phiếu học tập, dùng để đăng ký các khóa học nâng cao kỹ năng tại các cơ sở được chứng nhận. Nội dung đào tạo bao gồm kỹ năng nghề cơ bản, kỹ năng chuyên ngành, kỹ năng số và các kỹ năng phù hợp với xu hướng công nghệ mới. Hệ thống cũng cho phép người học theo dõi tiến trình học tập, nhận tư vấn nghề nghiệp và

chứng chỉ hoàn thành sau mỗi khóa học. Mục tiêu của chính sách là tăng cường khả năng thích ứng của lực lượng lao động, giảm nguy cơ thất nghiệp và thúc đẩy HTSD trong bối cảnh chuyển đổi số nhanh chóng. (MOEL, 2020).

Chính sách Phát triển Kỹ năng Nghề nghiệp (Vocational Skills Development Policy) do Bộ Lao động và Việc làm Hàn Quốc ban hành để nâng cao kỹ năng nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường lao động hiện đại. Chính sách này bao gồm các chương trình đào tạo kỹ năng số chuyên sâu (K-Digital Training) nhằm tập trung vào lập trình, trí tuệ nhân tạo (AI) và phân tích dữ liệu dành cho người trẻ. Bên cạnh đó, chính sách này quy định phát hành Thẻ Đào tạo Quốc gia (Tomorrow Learning Card) để hỗ trợ người lao động tiếp cận các khóa học nghề một cách linh hoạt theo nhu cầu cá nhân. Không chỉ vậy, nền tảng học tập trực tuyến STEP giúp mở rộng cơ hội HTSD, cho phép người lao động học mọi lúc, mọi nơi. Những chương trình này góp phần quan trọng trong việc nâng cao kỹ năng số và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi kỹ thuật số của quốc gia (MOEL, 2021).

Như vậy, các chính sách HTSD của Hàn Quốc được xây dựng đồng bộ và mang tính hệ thống, từ khung pháp lý về giáo dục suốt đời đến các chương trình phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho lực lượng lao động. Luật Giáo dục suốt đời tạo nền tảng thúc đẩy văn hóa học tập rộng khắp, trong khi Luật Phát triển kỹ năng tại nơi làm việc và các chính sách thị trường lao động đóng vai trò củng cố năng lực nghề nghiệp, hỗ trợ đào tạo lại và đào tạo nâng cao.

2.2.2. Nhật Bản

Luật HTSD (Lifelong Learning Promotion Act) được Quốc hội Nhật Bản ban hành vào năm 1990. Luật này đặt nền tảng pháp lý cho việc thúc đẩy HTSD ở Nhật Bản. Luật quy định vai trò của nhà nước, chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội trong việc xây dựng và vận hành các Trung tâm học tập cộng đồng, tổ chức các hoạt động giáo dục phi chính quy, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để người dân có thể tiếp cận các cơ hội học tập liên tục suốt đời. Luật cũng yêu cầu các địa phương xây dựng kế hoạch cơ bản về HTSD và thành lập các hội đồng học tập để giám sát, thúc đẩy hoạt động học tập trong cộng đồng. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng giúp Nhật Bản xây dựng xã hội học tập năng động, đáp ứng nhu cầu phát triển cá nhân và xã hội hiện đại (Japan Legal Information Institute, 1990).

Chương trình “Chiến lược Quốc gia về HTSD” được Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản ban hành vào năm 2008. Chiến lược này là một phần của “Kế hoạch cơ bản về thúc đẩy giáo dục”, được xây dựng theo quy định của Luật Cơ bản về Giáo dục nhằm hoạch định chính sách giáo dục toàn diện trong chu kỳ 5 năm. Chiến lược đặt mục tiêu xây dựng một xã hội học tập linh hoạt, khuyến khích người dân ở mọi lứa tuổi tham gia học tập liên tục nhằm thích ứng với biến động xã hội và công nghệ. Nội dung chiến lược bao gồm phát triển năng lực học tập độc lập, tăng cường học tập cộng đồng, mở rộng giáo dục người lớn và tích hợp công nghệ số vào hệ thống đào tạo. Đặc biệt, chiến lược cũng nhấn mạnh đến vai trò của gia đình, nhà trường và chính quyền địa phương trong việc thúc đẩy giáo dục suốt đời. Đây là nền tảng quan trọng để Nhật Bản đối phó với tình trạng già hóa dân số, đồng thời duy trì năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa (UNESCO Institute for Lifelong Learning, 2008).

Chính sách “Phát triển kỹ năng và đào tạo liên tục” (Skills Development and Continuous Training) là một phần quan trọng trong “Chiến lược Phát triển Nguồn nhân lực” được Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản (MHLW) ban hành vào năm 2016. Mục tiêu của chính sách là nâng cao năng lực cạnh tranh của lực lượng lao động trong bối cảnh già hóa dân số và chuyển đổi công nghệ nhanh chóng. Chính sách tập trung thúc đẩy việc HTSD thông qua đào tạo lại (reskilling) và nâng cao kỹ năng (upskilling), đặc biệt đối với người lao động trưởng thành. Bộ MHLW đã triển khai các chương trình đào tạo ngắn hạn tại các trường dạy nghề công lập (Polytechnic Centers), hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp tổ chức đào tạo nội bộ, đồng thời cung cấp trợ cấp đào tạo cho người lao động thông qua hệ thống bảo hiểm việc làm. Ngoài ra, chính sách cũng thành lập các Trung tâm Phát triển Nguồn nhân lực tại địa phương nhằm tư vấn nghề nghiệp và phân phối thông tin về đào tạo. Đây là một phần cốt lõi trong nỗ lực xây dựng một xã hội HTSD và chuẩn bị lực lượng lao động cho nền kinh tế tri thức (Ministry of Health, Labour and Welfare, 2016).

Chính sách “Học tập cho người lớn tuổi và người lao động” được Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) đề xuất trong báo cáo OECD Skills Outlook 2021: Learning for Life, công bố năm 2021. Chính sách này nhấn mạnh vai trò then chốt của HTSD trong việc giúp người lao động thích nghi với thay đổi công nghệ, chuyển dịch việc làm và quá trình già hóa dân số. OECD kêu gọi các quốc gia mở rộng cơ hội đào tạo kỹ năng mới (reskilling) và nâng cao kỹ năng (upskilling) cho người trưởng thành, đặc biệt là nhóm lao động lớn tuổi (từ 55-65 tuổi), nhóm có tỉ lệ tham gia đào tạo thấp hơn đáng kể so với người trẻ. Chính sách đề xuất các giải pháp cụ thể như: cung cấp hỗ trợ tài chính cho người học, tạo điều kiện học tập linh hoạt để cân bằng giữa công việc và cuộc sống, đồng thời phát triển các hình thức tư vấn nghề nghiệp cá nhân hóa. OECD cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thiết kế chương trình đào tạo phù hợp với đặc điểm của người lớn tuổi và xây dựng cơ chế theo dõi, đánh giá hiệu quả chính sách một cách liên

tục. Mục tiêu tổng thể là xây dựng một hệ sinh thái học tập trọn đời, nơi mọi cá nhân đều có cơ hội phát triển kỹ năng trong suốt cuộc đời lao động của mình (OECD, 2021).

Chính sách “Chiến lược đầu tư vào con người” (Investment in Human Capital) nằm trong “Kế hoạch hành động về tư bản mới 2023” (Grand Design and Action Plan for a New Form of Capitalism 2023) được Chính phủ Nhật Bản ban hành ngày 06/6/2023. Chính sách này nhấn mạnh việc thúc đẩy HTSD, xác định rõ việc tăng cường đầu tư vào con người như một trong bốn trụ cột chính nhằm thúc đẩy đảo tạo lại và nâng cao kỹ năng để tăng khả năng thích ứng của lực lượng lao động trước những biến đổi nhanh chóng về công nghệ và xã hội. Chính sách mở rộng cơ hội học tập cho người lao động, đặc biệt là các nhóm dễ bị tổn thương; thúc đẩy chuyển đổi kỹ năng để tiếp cận các ngành tăng trưởng cao; và cải cách thị trường lao động theo hướng linh hoạt, có thể dịch chuyển giữa các ngành nghề một cách suôn sẻ. Đây là bước đi then chốt giúp Nhật Bản nâng cao năng suất, thúc đẩy trật tự phát triển cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và phân phối thu nhập (Cabinet Secretariat of Japan, 2023).

Có thể thấy Nhật Bản xây dựng chính sách HTSD với nền tảng pháp lý vững chắc, khởi đầu từ Luật HTSD năm 1990, tạo cơ chế thúc đẩy học tập trong cộng đồng và mở rộng giáo dục cho người trưởng thành. Các chiến lược quốc gia và chính sách nhân lực những năm sau đó tiếp tục phát triển hệ thống HTSD theo hướng hiện đại, linh hoạt, đặc biệt chú trọng đào tạo lại, nâng cao kỹ năng và thích ứng với dân số già hóa. Những chính sách như “Chiến lược Đầu tư vào con người” năm 2023 và các khuyến nghị của OECD năm 2021 đã nhấn mạnh tầm quan trọng của đào tạo liên tục cho mọi nhóm tuổi, đặc biệt là người lao động lớn tuổi.

2.3. Một số chính sách nhằm thúc đẩy học tập suốt đời tại Việt Nam

Chỉ thị số 11-CT/TW (2007) ban hành ngày 13/4/2007 về tăng cường lãnh đạo Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập nhấn mạnh vai trò của Đảng trong việc lãnh đạo và chỉ đạo công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập ở các cấp, các địa phương và đơn vị. Chỉ thị yêu cầu cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng xã hội học tập, mở rộng phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng môi trường HTSD trong gia đình, cộng đồng, cơ quan, doanh nghiệp. Đây là cơ sở quan trọng để phát triển các đơn vị học tập ở Việt Nam (Ban Chấp hành Trung ương, 2007).

Chỉ thị số 14/CT-TTg ban hành ngày 25/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030. Chỉ thị nhấn mạnh trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc tạo điều kiện HTSD cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Chỉ thị yêu cầu phát triển mô hình “Đơn vị học tập” tại nơi làm việc, thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục thường xuyên, xây dựng hệ thống học tập linh hoạt và cá nhân hóa. Hội Khuyến học Việt Nam được giao nhiệm vụ phát triển mạng lưới khuyến học trong cộng đồng, cơ quan, doanh nghiệp... nhằm lan tỏa phong trào HTSD. Đồng thời, Chỉ thị khuyến khích xây dựng các tiêu chí công nhận công dân học tập, đẩy mạnh học tập qua mạng và ứng dụng công nghệ thông tin. Đây là văn bản quan trọng nhằm thể chế hóa mục tiêu xây dựng xã hội học tập từ cơ sở đến cấp quốc gia. (Thủ tướng Chính phủ, 2021a).

Quyết định số 1373/QĐ-TTg ban hành ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”. Quyết định đặt ra định hướng toàn dân HTSD và xây dựng môi trường học tập tại nơi làm việc (bao gồm cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội). Theo quyết định, mọi công dân có quyền và trách nhiệm học tập thường xuyên, HTSD để trở thành “công dân số” và “công dân học tập”. Quyết định yêu cầu các cơ quan, đơn vị tạo điều kiện công bằng cho mọi người tiếp cận giáo dục. Môi trường HTSD tại đơn vị làm việc phải đáp ứng các yêu cầu về năng suất, hiệu quả, đạo đức và văn hóa nghề nghiệp. Đây là chính sách mang tính nền tảng trong việc phát triển các mô hình Đơn vị học tập trong thời đại số (Thủ tướng Chính phủ, 2021b).

Luật Giáo dục năm 2019 là cơ sở pháp lý cao nhất trong hệ thống giáo dục quốc dân, quy định rõ về việc HTSD trong đơn vị, tổ chức. Điều 2 và Điều 4 của Luật khẳng định giáo dục Việt Nam phải phát triển toàn diện con người, xây dựng xã hội học tập, phát triển hệ thống giáo dục mở với các hình thức học tập đa dạng, linh hoạt. Điều 41 nêu rõ mục tiêu giáo dục thường xuyên là giúp mọi người “vừa làm vừa học”, nâng cao năng lực cá nhân, tạo cơ hội tìm việc, tự tạo việc làm, thích ứng xã hội. Điều 46 quy định cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được học tập thường xuyên, phát triển bản thân. Luật này là nền tảng pháp lý để các đơn vị triển khai mô hình học tập gắn với nghề nghiệp (Quốc hội, 2019).

Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị ban hành ngày 22/8/2025 khẳng định GD-ĐT là động lực then chốt để phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Văn kiện nhấn mạnh việc xây dựng xã hội học tập và coi HTSD là yêu cầu tất yếu của mỗi công dân. Nghị quyết đặt người học vào vị trí trung tâm, khuyến khích tự học, học thường xuyên và HTSD để thích ứng với thay đổi nhanh chóng của KH-CN. Bên cạnh đó, nghị quyết còn đề ra định hướng phát triển hệ thống giáo dục mở, linh hoạt, tạo cơ hội học tập công bằng cho mọi người. Những định hướng này thể hiện

rõ mục tiêu xây dựng môi trường học tập rộng mở, nơi ai cũng có thể học mọi lúc, mọi nơi. Nghị định là một văn kiện quan trọng góp phần thúc đẩy HTSD, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hỗ trợ phát triển bền vững trong tương lai (Ban Chấp hành Trung ương, 2025).

Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ ra ngày 03/9/2025 là một bước tiến quan trọng trong việc hiện thực hóa chủ trương HTSD cho mọi người dân. Theo nghị định, từ năm học 2025-2026, trẻ em mầm non và HS phổ thông công lập trên cả nước sẽ được miễn 100% học phí, góp phần xóa bỏ rào cản tài chính trong tiếp cận giáo dục. Việc miễn học phí cho HS từ mầm non đến THPT công lập, cùng với hỗ trợ cho các đối tượng ngoài công lập và sinh viên thuộc nhóm ngành đặc thù, thể hiện rõ cam kết của Nhà nước trong việc tạo điều kiện học tập công bằng, không phân biệt hoàn cảnh. Chính sách này không chỉ giảm gánh nặng tài chính cho các gia đình, mà còn mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục liên tục, nhất là với người dân ở vùng sâu, vùng xa, người yếu thế hoặc đã rời khỏi hệ thống giáo dục chính quy. Bằng cách đơn giản hóa thủ tục và ứng dụng công nghệ vào quản lý, nghị định cũng góp phần xây dựng môi trường học tập linh hoạt, thuận lợi cho người học ở mọi độ tuổi. Có thể nói, đây là một nền tảng pháp lý quan trọng để thúc đẩy xã hội học tập, nơi mà ai cũng có thể học - học suốt đời, học để làm việc, để phát triển và để sống có trách nhiệm hơn (Chính phủ, 2025).

Như vậy, Việt Nam đã từng bước hoàn thiện hệ thống chính sách nhằm thúc đẩy HTSD thông qua sự chỉ đạo xuyên suốt của Đảng và Nhà nước. Các Chỉ thị, Nghị quyết từ năm 2007-2021 đã đặt nền tảng xây dựng xã hội học tập và hệ thống giáo dục mở, khuyến khích tự học, học tập thường xuyên và học tập tại nơi làm việc. Các văn bản quy phạm pháp luật đã cụ thể hóa trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong tổ chức học tập, đánh giá đơn vị học tập và bồi dưỡng cán bộ. Đặc biệt, Nghị quyết số 71-NQ/TW, Nghị định số 238/2025/NĐ-CP về miễn học phí từ mầm non đến THPT là bước tiến lớn nhằm mở rộng tiếp cận giáo dục, tạo nền tảng cho HTSD trong toàn dân.

2.4. Một số nhận xét và kinh nghiệm triển khai học tập suốt đời tại Việt Nam

Ba quốc gia Hàn Quốc, Nhật Bản và Việt Nam đều coi HTSD là chiến lược quan trọng nhằm phát triển nguồn nhân lực thích ứng với thời đại công nghệ và toàn cầu hóa. Cả ba nước đều đã ban hành các chính sách, văn bản pháp lý để thúc đẩy HTSD, mở rộng cơ hội tiếp cận cho mọi công dân, đặc biệt là người lớn tuổi, người lao động và các nhóm yếu thế. Tuy nhiên, Hàn Quốc nổi bật với hệ thống pháp lý chuyên biệt, sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ ngành và ứng dụng công nghệ mạnh mẽ trong đào tạo, đặc biệt là các nền tảng như STEP hay thể đào tạo quốc gia. Nhật Bản chú trọng vào vai trò cộng đồng và giáo dục phi chính quy nhưng ứng dụng công nghệ số còn chưa đồng bộ như Hàn Quốc. Trong khi đó, Việt Nam tuy đã có nhiều chủ trương, chính sách hướng đến HTSD nhưng vẫn thiếu luật riêng về HTSD. Các cơ chế thực hiện còn phân tán. Việc hỗ trợ tài chính và chuyển đổi số còn hạn chế, chủ yếu mới dừng lại ở mức thí điểm hoặc phong trào tại một số địa phương.

Từ các chính sách thúc đẩy HTSD của Hàn Quốc, Nhật Bản và thực tiễn tại Việt Nam, có thể rút ra một số kinh nghiệm nhằm nâng cao hiệu quả triển khai HTSD cho Việt Nam như sau:

Thứ nhất, Việt Nam cần khẩn trương xây dựng một luật chuyên biệt về HTSD, tương tự như Luật Giáo dục suốt đời ở Hàn Quốc hay Luật HTSD ở Nhật Bản. Đây là cơ sở pháp lý tối quan trọng để thống nhất quan điểm chỉ đạo, tránh sự phân tán trong điều hành giữa các bộ, ngành, đồng thời tạo điều kiện huy động nguồn lực xã hội tham gia vào xây dựng xã hội học tập.

Thứ hai, cần xác lập mối liên kết chặt chẽ giữa giáo dục và thị trường lao động, thông qua việc thiết kế các chương trình đào tạo linh hoạt, thực tiễn, bám sát yêu cầu của doanh nghiệp và xu hướng chuyển đổi nghề nghiệp. Hàn Quốc đã triển khai hiệu quả các chính sách như hệ thống ngân hàng tín chỉ, đào tạo tại nơi làm việc và các chương trình nâng cao kỹ năng gắn với công nghệ mới. Việt Nam có thể học hỏi mô hình này để thúc đẩy đào tạo nghề theo hướng cá nhân hóa và thực tiễn hơn.

Thứ ba, chuyển đổi số trong giáo dục thường xuyên cần được coi là trụ cột trong xây dựng xã hội học tập. Bên cạnh việc đẩy mạnh đầu tư vào hạ tầng công nghệ, Việt Nam cần phát triển các nền tảng học trực tuyến quốc gia có nội dung đa dạng, dễ tiếp cận và công nhận kết quả học tập chính thức. Nhật Bản và Hàn Quốc đều đã ứng dụng các nền tảng học tập kỹ thuật số như STEP, K-MOOC... góp phần mở rộng không gian học tập cho người dân mọi lúc, mọi nơi.

Thứ tư, Việt Nam cần có chính sách tài chính rõ ràng và bền vững hỗ trợ người học, đặc biệt là các nhóm yếu thế như lao động phi chính thức, người lớn tuổi, người mất việc làm hoặc ở vùng sâu vùng xa. Cần thiết kế các mô hình trợ cấp học tập, phiếu học tập, hoặc chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho đào tạo nhân lực. Hàn Quốc và Nhật Bản đều có chính sách mạnh mẽ trong việc hỗ trợ tài chính để đảm bảo công bằng trong tiếp cận cơ hội học tập.

Thứ năm, doanh nghiệp, tổ chức xã hội và cộng đồng cần được trao vai trò chủ động hơn trong hoạt động HTSD. Cần khuyến khích và có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng mô hình “đơn vị học tập”, tổ chức đào tạo nội bộ,

hợp tác với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Đồng thời, phát huy vai trò của các tổ chức như Hội Khuyến học, trung tâm học tập cộng đồng trong việc lan tỏa phong trào HTSD đến từng hộ gia đình, từng địa phương.

Thứ sáu, cần nâng cao năng lực đánh giá, giám sát và công nhận kết quả học tập không chính quy, phi chính quy và học tập từ trải nghiệm nghề nghiệp. Việc xây dựng hệ thống tín chỉ tích lũy và công nhận văn bằng linh hoạt là điều cần thiết để thúc đẩy người dân học tập liên tục và không gián đoạn. Nhật Bản đã từng bước phát triển mô hình đánh giá học tập mở, giúp người học dễ dàng chuyển đổi giữa các hình thức đào tạo.

3. Kết luận

HTSD không chỉ là định hướng phát triển cá nhân, mà còn là một phần cốt lõi trong chiến lược phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Qua những chính sách cụ thể được ban hành tại Việt Nam, Nhật Bản và Hàn Quốc, có thể thấy rõ sự quan tâm sâu sắc và cam kết mạnh mẽ của các chính phủ trong việc tạo lập một xã hội học tập toàn diện. Việc xây dựng môi trường học tập thuận lợi, đa dạng và bình đẳng đã góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường năng lực thích ứng và sáng tạo của người dân trong thời đại số. Những kinh nghiệm từ hai quốc gia này cũng là bài học quý giá để Việt Nam tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, thúc đẩy HTSD. Đồng thời, việc phân tích và đối sánh chính sách của các nước này cũng gợi mở hướng nghiên cứu sâu sắc và toàn diện hơn về HTSD trong khu vực ASEAN, nơi các quốc gia đang đứng trước những yêu cầu tương tự về phát triển nguồn nhân lực và hội nhập khu vực.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương (2007). *Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13/4/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập*.
- Ban Chấp hành Trung ương (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
- Cabinet Secretariat of Japan. (2023). *Grand Design and Action Plan for a New Form of Capitalism 2023*. https://www.cas.go.jp/jp/seisaku/atarashii_sihonsyugi/pdf/plan2023en.pdf
- Chính phủ (2025). *Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo*.
- European Commission (2001). *Making a European Area of Lifelong Learning a Reality*.
- Hur, J. J. (2013). *Korea's Active Labor Market Policy: Its Birth, Establishment, and Development*. Korea Labor Institute.
- Japan Legal Information Institute (1990). *Life-long Learning Promotion Act (Act No. 71)*. <https://jahis.law.nagoya-u.ac.jp/lawdb/l/402a0071>
- Lifelong Education Act (2009). *UNESCO Institute for Lifelong Learning*. <https://www.uil.unesco.org>
- Ministry of Employment and Labor (MOEL) (2020). *National Training Card System Overview*. <https://www.moel.go.kr/english/policy/employment.do>
- Ministry of Employment and Labor (MOEL). (1967). *Act on the Development of Workplace Skills of Workers*. Global Regulation.
- Ministry of Employment and Labor (MOEL). (2021). *Employment Policy - K-Digital Training, STEP Platform*. <https://www.moel.go.kr/english/policy/employment.do>
- Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW). (2016). *Promoting Human Resources Development*. https://www.mhlw.go.jp/english/policy/employ/skills_development/index.html
- OECD (1996). *Lifelong learning for all*. https://www.oecd-ilibrary.org/education/lifelong-learning-for-all_9789264082618-en
- OECD (2021). *OECD skills outlook 2021: Learning for life*. OECD Publishing.
- Phạm Tất Dong (2012). *Phát triển giáo dục hướng tới một xã hội học tập*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục*. Luật số 43/2019/QH14, ban hành ngày 14/6/2019.
- Thủ tướng Chính phủ (2021a). *Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2021 về đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030*.
- Thủ tướng Chính phủ (2021b). *Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”*.
- UNESCO Institute for Lifelong Learning (2008). *Japan: Basic Plan for the Promotion of Education*. <https://www.uil.unesco.org/en/articles/japan-basic-plan-promotion-education-issued-2008>
- UNESCO Institute for Lifelong Learning (UIL) (2017). *Lifelong Learning*. <https://uil.unesco.org/lifelong-learning>